TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **115**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2019
V/v: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Và Kíu.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hổ
Ông Vũ Xuân Tuất.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 609/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2019/QĐHPT-ST ngày 06/12/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim V**, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Số 141/9, khu 4, ấp B, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Trần Minh T**, sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Số 47 đường Đông H, ấp B, xã Đ, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(chị V có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Lê Thị Kim V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim V và anh Trần Minh T tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2013 tại xã Đ, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chí thú làm ăn, không phụ giúp chị V về kinh tế để chị nuôi con mà còn gây ra nợ tiền rất nhiều, bản thân chị phải nhiều lần trả nợ thay cho anh T. Ngoài ra, anh T còn không tôn trọng chị, nhiều lần còn xúc phạm chị

và gia đình chị. Tại tòa, chị V xác định khả năng đoàn tụ gia đình là không có. Do vậy chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là cháu Trần Lê Minh Th – sinh ngày 27/3/2013. Khi ly hôn chị V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Th và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Minh T trình bày:

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, anh Trần Minh T không cung cấp bản tự khai thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T tới trụ sở Tòa án để lấy lời khai và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về nội dung: Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị V là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị V được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Minh Th cho chị V nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Lê Thị Kim V yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh T sinh năm: 1987, có nơi cư trú tại: Số 47 đường Đông H, ấp B, xã Đ, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về Thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Trần Minh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Minh T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14 tháng 3 năm 2003, hôn nhân của chị V và anh T phù hợp với các Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa, chị V giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với anh Trần Minh T.

Xét, yêu cầu xin được ly hôn của chị V thì thấy: Từ đầu năm 2018, thì cuộc sống giữa chị V và anh T không hạnh phúc, không có sự tin tưởng nhau về tình cảm, cũng từ thời gian này chị V và anh T không sống chung với nhau, không ai quan tâm nhau, mạnh ai người đó sống, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng với nhau.

Mặc khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án làm việc, hòa giải để đưa ra những biện pháp hàn gắn tình cảm để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ xây dựng gia đình. Tuy nhiên tại các buổi làm việc, hoà giải cũng như tại phiên tòa, anh T vắng mặt thể hiện việc không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ gia đình.

Từ những nhận định, phân tích trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kim V.

3.2 - Về con chung: Chị V, anh T có 01 (một) con chung là cháu Trần Lê Minh Th – sinh ngày 27/3/2013. Hiện cháu Th đang được chị V trực tiếp chăm sóc. Vì vậy để ổn định cuộc sống của con trẻ, đảm bảo cho con có môi trường sống và phát triển tốt nhất, cần tiếp tục giao cháu Th cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị V trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị Vân phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; 35; 39; 147; 220; 227; 228; 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim V về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* với anh Trần Minh T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim V được ly hôn với anh Trần Minh T.

Về con chung: Giao cháu Trần Lê Minh Th – sinh ngày 27/3/2013 cho chị Lê Thị Kim V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Trần Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Minh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Kim V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp theo biên lai thu số0007010 ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chị V đã nộp đủ tiền án phí.

4. Chị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS;
- Đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Và Kíu